

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/12/2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Bình.
2. Bà Dương Thị Thắm.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 18/12/2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2018/TLST – HNGĐ ngày 24/9/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Mai Ngọc T – sinh năm 1972

Địa chỉ: 99/11, kênh 19/5, phường Sơn Kỳ, quận P, TP. H (có đơn xin xử vắng mặt).

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th – sinh năm 1972.

Địa chỉ: xóm 1, xã Y, huyện N, Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/9/2018 và bản tự khai ngày 02/10/2018 anh Mai Ngọc T trình bày.

Sau một thời gian tìm hiểu anh và chị Nguyễn Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/12/1991 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cô Th có quan hệ với người đàn ông khác, không chung thủy với chồng, không có trách nhiệm với gia đình. Vì vậy, từ năm 2002 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan T gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Anh T và chị Th có 03 con chung: Cháu Mai Ngọc T, sinh năm 1992. Cháu Mai Thị T, sinh năm 1994. Cháu Mai Thị T, sinh năm 1996. Hiện nay, cả ba cháu đã trưởng thành, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Anh T và chị Th không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Th, người thân trực tiếp nhận, cam đoan sẽ giao lại cho chị Th. Mặc dù chị Th biết anh T làm đơn xin ly hôn nhưng chị vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với anh T và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 30/11/2018 anh T và chị Th đều vắng mặt, nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Th vẫn vắng mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả hai đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chủ tọa phiên tòa công bố những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Th nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị Th vẫn vắng mặt nên không thể thống nhất được hướng giải quyết của vụ án. Ngày 30/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất. Anh T và chị Th vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Như vậy, việc chị Th không đến Tòa án để giải quyết vụ án là trường hợp cố tình trốn tránh. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xử lần 2, vắng mặt cả anh T và chị Th.

[2] Về hôn nhân: Anh Mai Ngọc T và chị Nguyễn Thị Th kết hôn ngày 05/12/1991. Trước khi kết hôn giữa hai người có thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, không ai cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nhưng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2002 đến nay, không còn quan T gì đến nhau nữa. Vì vậy, nghĩ cần xử cho anh T được ly hôn chị Th là phù hợp qui định của pháp luật và thực tế.

[3] Về con chung: Anh T và chị Th có 03 con chung: Cháu Mai Ngọc T, sinh năm 1992. Cháu Mai Thị T, sinh năm 1994. Cháu Mai Thị T, sinh năm 1996. Hiện tại cả ba cháu đã trưởng thành, có gia đình riêng, có công việc ổn định, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật, nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Anh T và chị Th không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Mai Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều

271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Mai Ngọc T. Cho anh Mai Ngọc T được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

* Về án phí: Anh Mai Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/4899 ngày 24/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nga Sơn. Anh T đã nộp đủ án phí DSST.

* Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trò hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Y, huyện N
Tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trung Thu